

Mẫu số I.28

(Ban hành kèm theo Phụ lục I của Thông tư số 20/2022/TT-BGTVT ngày 29 tháng 7 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải)

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số:



**GIẤY CHỨNG NHẬN AN TOÀN KỸ THUẬT VÀ
BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG DU THUYỀN**

Tên tàu: Số ĐKHC:

Số đăng kiểm: Nơi đăng kiểm:

Chủ tàu:

Địa chỉ:

Năm đóng/hoàn cải:

Kích thước cơ bản: $L_{wl} \times B_{wl} \times D_{wl} \times d$ m

$L_{max} \times B_{max}$m; Tổng dung tích:

Lượng chở khách..... (người) Số lượng thuyền viên..... (người)

Căn cứ kết quả kiểm tra đã tiến hành, chứng nhận rằng tàu này và các trang thiết bị của tàu thỏa mãn các yêu cầu của Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phân cấp và đóng du thuyền với các hạn chế thường xuyên và các đặc tính khác như sau:

Dấu hiệu cấp thân tàu:

Dấu hiệu cấp máy tàu:

Các đặc tính khác:

Giấy chứng nhận này có hiệu lực đến ngày.....tháng.....năm.....

Cấp tại....., ngàytháng.....năm

CỤC ĐĂNG KIỆM VIỆT NAM

THÂN TÀU VÀ THIẾT BỊ

Vật liệu thân tàu: Vật liệu thượng tầng/lầu:
Chiều dày vỏ tàu:
Đáy: mm Mạn: mm
Số vách kín nước:
Khối lượng neo:
Neo số 1: (kg) Neo số 2: (kg)
Chiều dài xích neo:
Neo số 1: (m) Neo số 2: (m)
Lái chính kiểu:
Lái phụ kiểu:
Thiết bị chằng buộc:
Dây buộc: Loại: Số lượng: Chiều dài: (m)
Cột buộc: Kiểu: Số lượng: Vật liệu:
Chiều cao cột buồm chính:

MÁY CHÍNH

Số lượng, kiểu máy:
Năm và nơi sản xuất:
Tổng công suất: (kW)
Vòng quay: (vòng/phút)
Hộp số kiểu:

MÁY PHỤ

Số lượng, loại máy:
Năm và nơi sản xuất:
Công suất: (kW) Vòng quay: (vòng/phút)
Công dụng:

TRỤC CHÂN VỊT VÀ CHÂN VỊT

Đường kính trục: mm Số lượng và vật liệu:
Đường kính chân vịt: mm Số lượng và vật liệu:
Số cánh chân vịt:

BÌNH KHÔNG KHÍ NÉN

Số lượng và dung tích bình:
Năm và nơi sản xuất:
Áp suất làm việc: (kg/cm²)

THIẾT BỊ ĐIỆN

Số lượng máy phát: Tổng công suất: (kVA/kW)
Số lượng và tổng dung lượng ắc quy: (Ah)

TRANG BỊ CHỮA CHÁY

Bơm nước:
Số lượng: Lưu lượng: m³/h
Bình bọt: bình Bình CO₂: bình
☐ Rỗng vải ☐ Xô mức nước ☐ Cát
☐ Xẻng ☐ Bạt ☐ Rìu
☐ Các thiết bị khác:

TRANG BỊ CỨU SINH

Phao bè:
Số lượng và sức chở: người
Dụng cụ nổi:
Số lượng và sức chở: người
Phao tròn: chiếc Phao áo: chiếc

TÍN HIỆU VÀ VẬT HIỆU

Còi hơi: Còi điện:
Đèn hành hải: ☐ Trắng ☐ Xanh ☐ Đỏ
☐ Đèn pha ☐ Đèn lai dẹt ☐ Đèn neo
Vật hiệu: ☐ Hình cầu ☐ Hình nón ☐ Giỏ
Số lượng phao hiệu các loại:

THIẾT BỊ HÀNH HẢI

☐ La bàn từ ☐ GPS ☐ Bộ tác nghiệp hải đồ
☐ Đồng hồ bấm giây ☐ Ống nhòm ☐ Đo sâu bằng tay
☐ Thước đo độ nghiêng ☐ Hải đồ vùng tàu chạy
☐ Các thiết bị khác:

THIẾT BỊ VÔ TUYẾN ĐIỆN

☐ Thiết bị MF/HF
☐ Bộ thu phát vô tuyến điện thoại VHF với bộ giải mã DSC
☐ Vô tuyến điện thoại hai chiều VHF

THIẾT BỊ NGĂN NGỪA Ô NHIỄM

.....

